TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2024/HNGĐ-PT
Ngày 16-01-2024
V/v ly hôn, chia tài sản chung khi ly hôn, yêu cầu đòi lại tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lộc Sơn Thái;

Các Thẩm phán: Ông Dương Xuân Tĩnh;

Ông Cao Đức Chiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Phương Chi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 09/2023/TLPT-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2023 về việc ly hôn, chia tài sản chung khi ly hôn, yêu cầu đòi lại tài sản;

Do Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 13/2023/HNGĐ-ST ngày 12 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 10/2023/QĐ-PT ngày 07 tháng 12 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2023/QĐ-PT, ngày 20/12/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Lâm Văn L, sinh năm 1981. Nơi cư trú: Thôn Khuổi L, xã Quý H, huyện Bình G, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Bế Thị B, sinh năm 1982. Địa chỉ: Thôn Khuổi L, xã Quý H, huyện Bình G, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Bế Thị B: Bà Nông Thị T, trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ủy ban nhân dân xã Quý H, huyện Bình G, tỉnh Lạng Sơn. Người đại diện: Ông Hoàng Văn T, Chủ tịch UBND xã. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Văn Q, chức vụ: Công chức địa chính xã Quý H, huyện Bình G, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

2. Ông Bế Văn B, sinh năm 1955; vắng mặt.

3. Ông Lý Văn N, sinh năm 1970; vắng mặt.

4. Ông Bế Văn P, sinh năm 1968; vắng mặt.

5. Ông Lý Văn L. sinh năm 1961; vắng mặt.

7. Bà Lâm Thị H, sinh năm 1961; vắng mặt.

8. Anh Lý Văn Đ, sinh năm 1986; vắng mặt.

9. Ông Lý Văn H, sinh năm 1963; vắng mặt.

10. Anh Lâm Văn C, sinh năm 1987; vắng mặt.

11. Bà Lâm Thị L, sinh năm 1959; vắng mặt.

12. Chị Đàm Thị L, sinh năm 1988; vắng mặt.

13. Ông Lâm Văn G, sinh năm 1978; vắng mặt.

14. Ông Bế Văn H, sinh năm 1960; vắng mặt.

15. Bà Triệu Thị N, sinh năm 1967; vắng mặt.

16. Chị Bế Thị H, sinh năm 1989; vắng mặt.

17. Anh Bế Đức Đ, sinh năm 2004; vắng mặt.

Đều có địa chỉ: Thôn Khuổi L, xã Quý H, huyện Bình G, tỉnh Lạng Sơn.

18. Ông Nông Văn T, sinh năm 1963; vắng mặt.

19. Bà Lâm Thị C, sinh năm 1971; vắng mặt.

20. Bà Lâm Thị T, sinh năm 1979; vắng mặt.

Đều có địa chỉ: Thôn Khuổi N, xã Quý H, huyện Bình G, tỉnh Lạng Sơn.

21. Chị Lý Thị S, sinh năm 1983. Địa chỉ: Thôn Nà L, xã Quý H, huyện Bình G, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

22. Chị Lâm Thị M1, sinh năm 1987. Địa chỉ: Thôn Kim L, xã Hồng P, huyện Bình G, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

23. Chị Lâm Thị H. Địa chỉ: Khu 6B, thị trấn Cao L, huyện Cao L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

24. Cháu Lâm Văn T, sinh năm 2002; vắng mặt.

25. Cháu Lâm Thị M2, sinh năm 2004; vắng mặt.

Đều có địa chỉ: Thôn Khuổi L, xã Quý H, huyện Bình G, tỉnh Lạng Sơn.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập*:

Bà Hoàng Thị S, sinh năm 1949. Địa chỉ: Thôn Khuổi N, xã Quý H, huyện Bình G, tỉnh Lạng Sơn. Người đại diện theo ủy quyền của bà Hoàng Thị S: Ông Lâm Văn S, sinh năm 1964. Địa chỉ: Thôn Nà L, xã Quý H, huyện Bình G, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

Người kháng cáo: Chị Bế Thị B là bị đơn .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Bản án dân sự sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Anh Lâm Văn L và chị Bế Thị B kết hôn với nhau từ năm 2000, anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã Quý H, huyện Bình Gia. Quá trình chung sống anh chị có với nhau 02 người con gồm Lâm Văn T, sinh ngày 17/8/2002, Lâm Thị M2, sinh ngày 02/11/2004 đều đã đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Lâm Văn L có bố là Lâm Văn Y (đã chết) và mẹ là bà Hoàng Thị S, bà S có yêu cầu độc lập yêu cầu chị Bế Thị B trả lại khoản tiền 45 triệu đồng là tiền đền bù giải phóng mặt bằng.

Cháu Lâm Văn T và cháu Lâm Thị M2 là con của anh L và chị B có yêu cầu độc lập chia ½ diện tích đất đã trồng cây tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án, cả hai đã rút yêu cầu độc lập, Tòa sơ thẩm đã ra quyết định đình chỉ.

Về tài sản: Anh Lâm Văn L không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Chị Bế Thị B yêu cầu tòa án giải quyết chia cho chị phần đất đã có các loại cây mà chị đã trồng trên đất và chia toàn bộ ruộng tại các xứ Đồng Cốc L, Nà L, Nà M, Sừng C.

Các thửa đất 66, 67,68, 81, 82,108, 200, 202, 204, 205, 203, 315, 326, 138,150,151,152,153,109,110,111,112,06,07 đều đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Lâm Văn L ngày 29/10/2010. Thời điểm 2010 hộ ông Lâm Văn L có: bà Hoàng Thị S; Lâm Văn L, Bế Thị B, Lâm Văn T và Lâm Thị M2.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 13/2023/HNGĐ-ST ngày 12 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn đã quyết định:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị Bế Thị B với anh Lâm Văn L.

2. Về tài sản chung:

2.1. Chấp nhận một phần về yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng cụ thể:

2.1.1. Chị Bế Thị B được quản lý sử dụng các thửa đất cụ thể:

2.1.2. Thửa đất số 203 tờ bản đồ địa chính số 82 xã Quý H có các phía tiếp giáp như sau: Phía Bắc giáp một phần của thửa đất số 202 có chiều dài là 23,71 mét. Phía Đông giáp thửa 205 có chiều dài là 19,76 mét. Phía Tây giáp thửa 117 có chiều dài là 15, 56 mét. Phía Nam giáp thửa 205 có chiều dài là 14,24 mét. Diện tích là S3 = 307 m^2 từ các điểm 35, 28, 29, 31, 32, giá trị về đất ở là 11.359.000 đồng, trên đất có 1 cây khế, 2 cây quýt, 1 cây mít, 1 cây xoan, 1 cây bưởi, 1 cây quế, giá trị các loại cây là 4.624.000 đồng.

2.1.3. Thửa đất số 204 tờ bản đồ địa chính số 82 xã Quý H có các phía tiếp giáp như sau: Phía Bắc giáp thửa 199 có chiều dài là 19,20 mét. Phía Đông giáp thửa 199 có chiều dài là 5,82 mét. Phía Tây giáp thửa 202 có chiều dài là 3,76 mét. Phía Nam giáp 203 và 205 có chiều dài là 25,73 mét. Diện tích là S4 = 162 m^2 từ các điểm 27, 26, 4, 56, 30, 29, 28, giá trị về đất ở là 5.994.000 đồng, trên đất có 4 cây mận, 1 cây quýt, 1 cây khế, giá trị các loại cây là 992.000 đồng.

2.1.4. Thửa đất số 205 tờ bản đồ địa chính số 82 xã Quý H có các phía tiếp giáp như sau: Phía Bắc giáp các thửa 199 và 204 có chiều dài là 34,72 mét. Phía Đông giáp thửa 206 có chiều dài là 29,63 mét. Phía Tây giáp thửa 203 và 117 có chiều dài là 23,29

mét. Phía Nam giáp thửa 206 có chiều dài là 28,94 m. Diện tích là S5 = 583,0 m^2 từ các điểm 29, 30, 6, 7, 8, 34, 33, 33, 32, 31, giá trị về đất ở là 81.620.000 đồng, trên đất có 1 cây chè, 2 cây khế, 2 cây mác mật, 1 cây dâu, 1 cây chanh, 1 cây tre, giá trị các loại cây là 1.927.500 đồng.

Tổng diện tích của 3 thửa đất 203, 204 và 205 là 1.052 m^2, tổng giá trị về đất là 98.973.000 đồng + tổng giá trị của các loại cây trên 3 thửa đất là 7.543.500 đồng = 106.516.500 đồng (*một trăm linh sáu triệu năm trăm mười sáu nghìn năm trăm đồng*).

(có mảnh trích đo địa chính số 31D-2023 do Công ty cổ phần tư vấn tài nguyên số 1 Lạng Sơn đo vẽ ngày 24/02/2023 kèm theo).

2.1.5. Chị Bế Thị B không phải thanh toán số tiền chênh lệch về giá trị tài sản được hưởng cho anh Lâm Văn L, bà Hoàng Thị S, cháu Lâm Văn T và Lâm Thị M2.

2.1.6. Chị Bế Thị B được quyền lưu cư tại ngôi nhà tôn trên thửa đất 236, tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 3 xã Quý H trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày ra bản án và có nghĩa vụ giao lại nhà cho anh Lâm Văn L ngay sau khi hết hạn lưu cư.

2.2. Không chấp nhận yêu cầu của chị Bế Thị B về yêu cầu chia tài sản chung là các thửa đất các thửa 66, 67, 68, 81, 82, 108, 109, 110 tờ bản đồ địa chính số 66 xã Quý H và các thửa 111, 112, 79, 38 tờ bản đồ địa chính số 81 và các thửa 138, 150, 151, 152, 153, 6, 7, 111, 98, 6, 7 tờ bản đồ địa chính số 82, các thửa 315, 326 và một phần diện tích 311, 332 tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 3 xã Quý H vì không có căn cứ pháp luật.

2.3. Chấp nhận yêu cầu của chị Bế Thị B về việc yêu cầu anh Lâm Văn L phải thanh toán tiền thuê san ủi 2 khu ruộng Cốc L và Nà L với số tiền 12.000.000 đồng.

2.4. Không chấp nhận yêu cầu của chị Bế Thị B về việc đòi anh Lâm Văn L phải thanh toán cho chị số tiền san ủi Nà M (Nà B) là 7.000.000 đồng vì không có căn cứ pháp luật.

2.5. Không chấp nhận yêu cầu của anh Lâm Văn L và bà Hoàng Thị S về việc buộc chị Bế Thị B di dời toàn bộ tài sản là cây trồng, nhà ở, chuồng lợn, bể nước trên đất.

2.6. Giao toàn bộ tài sản là 1.300 cây quế, 1.500 cây keo, 19 cây gỗ tạp nhóm VIII trên đất tại thửa 315, 100 cây hồi trên thửa 311 từ các điểm 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17 và 34 cây xoan, 24 cây gỗ tạp nhóm VIII, 4 cây bưởi, 6 cây mận, 1 cây cam, 1 cây nhãn, 1 cây xoài, 2 cây đu đủ, 1 cây đào, 2 cây trám, 43 cây chuối tiêu, 60 cây chuối hột, 650 cây quế trên thửa đất 326, 150 cây quế trên thửa đất 332 từ các điểm 43, 44, 45, 46, 47, 32, 33, 34, 35, 36, 37, 38, 39, 40, 41, 42 tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 3 xã Quý H (theo mảnh trính đo địa chính số 31E- 2023 do Công ty cổ phần tư vấn tài nguyên số 1 Lạng Sơn đo vẽ ngày 07/6/2023 kèm theo). Tổng giá trị các loại cây trên đất tại các thửa 315, 311, 326, 332 nêu trên theo kết quả định giá là 233.847.000 đồng và 2 thửa đất số 200 và 202 có giá trị về đất là 3.087.000 đồng tờ bản đồ địa chính số 82 xã Quý H cho anh Lâm Văn L, bà Hoàng Thị S, các cháu Lâm Văn T và Lâm Thị M2 quản lý, sử dụng, định đoạt.

2.7. Giao 01 ngôi nhà tôn, 01 chuồng lợn, 01 bể nước có trên thửa đất 326 tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 3 xã Quý H cho anh Lâm Văn L là chủ hộ quản lý sử dụng định đoạt, buộc anh Lâm Văn L là chủ hộ thanh toán giá trị ngôi nhà tôn và chuồng lợn là 22.049.000 đồng (hai mươi hai triệu không trăm bốn mươi chín nghìn đồng) cho chị Bế Thị B

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chưa trả được thì còn phải trả lãi chậm trả ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo quy định tại các khoản 1 và 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Chị Bế Thị B được quyền đăng ký quyền sử dụng đất theo Bản án.

2.8. Chị Bế Thị B được quyền lưu cư tại ngôi nhà tôn chị đã làm năm 2021 thêm 06 (sáu) tháng nữa kể từ ngày ra bản án, chị Bế Thị B có trách nhiệm trả lại ngôi nhà tôn sau khi hết thời hạn lưu cư cho anh Lâm Văn L để quản lý, sử dụng, định đoạt.

2.9. Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của bà Hoàng Thị S, buộc chị Bế Thị B phải trả lại cho bà Hoàng Thị S số tiền 19.521.700 đồng (*mười chín triệu năm trăm hai mươi mốt nghìn bảy trăm đồng*).

2.10. Kiến nghị Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền chính lý hồ sơ địa chính đất lâm nghiệp tại các thửa 315, 311, 326, 332 tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 3 xã Quý H theo hiện trạng sử dụng đất được thể hiện tại mảnh trí đo số 31E-2023 ngày 07/6/2023 của Công ty cổ phần tư vấn tài nguyên số 1 Lạng Sơn khi các bên liên quan có yêu cầu.

3. Về án phí:

3.1. Anh Lâm Văn L, chị Bế Thị B, bà Hoàng Thị S, anh Lâm Văn T và chị Lâm Thị M2 được miễn án phí sơ thẩm.

3.2. Anh Lâm Văn L được trả lại tiền tạm ứng án phí sơ thẩm là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0005602, ngày 02/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình G.

4. Về chi phí tố tụng: Tổng chi phí đã chi là 71.434.000 đồng. Xác nhận chị Bế Thị B đã nộp đủ số tiền tạm ứng chi phí tố tụng đã chi.

4.1. Chị Bế Thị B phải chịu số tiền chi phí tố tụng là 41.481.270 đồng (bốn mươi mốt triệu bốn trăm tám mươi mốt nghìn hai trăm bảy mươi đồng).

4.2. Anh Lâm Văn L là chủ hộ phải chịu số tiền chi phí tố tụng 29.952.748 đồng (hai mươi chín triệu chín trăm năm mươi hai nghìn bảy trăm đồng) để trả lại cho chị Bế Thị B.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền thi hành án và kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm xong, bị đơn chị Bế Thị B có đơn kháng cáo một phần Bản án sơ thẩm và yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết:

1. Yêu cầu được chia các thửa đất ruộng gồm các thửa 66, 67, 68, 81, 82 tờ bản đồ địa chính số 66 xã Quý H và các thửa 79, 38 tờ bản đồ địa chính số 81 xã Quý H.

2. Yêu cầu anh Lâm Văn L phải thanh toán giá trị toàn bộ số cây gồm keo, quế, hồi, chuối, các loại cây ăn quả, nhà tôn, chuồng lợn, bể nước, téc nước trên các thửa 315, 311, 326, 332 theo giá trị mà chị Bế Thị B đã kê khai trong đơn yêu cầu chia tài sản chung ban đầu.

3. Yêu cầu được chia một nửa giá trị máy phay và máy cày.

4. Không chấp nhận trả cho bà Hoàng Thị S số tiền 19.521.700đ.

5. Yêu cầu xem xét chia lại số tiền chi phí tố tụng do anh Lâm Văn L được hưởng phần diện tích đất nhiều hơn nhưng số tiền cho phí tố tụng phải chịu lại ít hơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị đơn chị Bế Thị B thay đổi nội dung kháng cáo chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết: Chị yêu cầu được khai thác toàn bộ số cây Keo trên đất tại các thửa đất số 315, 311, 326, 332 theo biên bản xem xét thẩm định của TAND huyện Bình Gia; yêu cầu chia đôi giá trị của chiếc máy Phay là mỗi người

4 triệu,về chi phí tố tụng chị chịu 38.434.000đ và anh L phải chịu 33 triệu đồng, còn lại các yêu cầu kháng cáo khác chị xin rút không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn anh Lâm Văn L cũng đồng ý với toàn bộ yêu cầu của chị Bế Thị B.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa đã được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; tuy có đương sự vắng mặt nhưng đã có lời khai tại cấp sơ thẩm, có người có ủy quyền, có người có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên việc xét xử vụ án vắng mặt một số người tham gia tố tụng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ Điều 5, Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị HĐXX: Đình chỉ giải quyết phúc thẩm đối với phần kháng cáo của chị Bế Thị B: yêu cầu được chia các thửa đất ruộng gồm các thửa 66, 67, 68, 81, 82 tờ bản đồ địa chính số 66 xã Quý H và các thửa 79, 38 tờ bản đồ địa chính số 81 xã Quý H; không chấp nhận trả cho bà Hoàng Thị S số tiền 19.521.700 đồng.

- Công nhận sự thỏa thuận của chị Bế Thị B và anh Lâm Văn L cụ thể: Chị Bế Thị B được quyền khai thác toàn bộ cây Keo trên các thửa đất số 315, 311, 326, 332 theo Biên bản xem xét thẩm định ngày 24/02/2023 và ngày 07/6/2023 của TAND huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn. Chị Bế Thị B được hưởng 1 nửa giá trị máy Phay theo kết quả định giá là 8.000.000 đồng, anh L thanh toán giá trị 4.000.000 đồng cho chị B. Về chi phí tố tụng: Chị B chịu 38.434.000 đồng, anh L chịu 33.000.000 đồng.

- Về án phí: Các đương sự thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Việc vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa phúc thẩm vắng mặt những người có quyền lợi nghĩa vụ liên những người vắng mặt đã có đơn xin vắng mặt hoặc ủy quyền cho người khác tham gia tố tụng và có ý kiến xin vắng mặt, các đương sự có mặt tại phiên tòa đều đề nghị hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án. Theo quy định Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục tiến hành xét xử theo quy định.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn, bị đơn đã thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án, cụ thể như sau: Bị đơn chị Bế Thị B được quyền khai thác toàn bộ số cây Keo tại các thửa đất số 315, 311, 326, 332 theo biên bản xem xét thẩm định của TAND huyện Bình Gia ngày 24/02/2023 và ngày 07/6/2023; anh Lâm Văn L được quản lý sử dụng máy Phay và có trách nhiệm trả 4.000.000đ cho chị Bế Thị B; về chi phí tố tụng chị Bế Thị B thỏa thuận chịu 38.434.000đ và anh Lâm Văn L chịu 33.000.000đ. Chị Bế Thị B xin rút kháng cáo yêu cầu được chia các thửa đất ruộng gồm các thửa 66, 67, 68, 81, 82 tờ bản đồ địa chính số 66 xã

Quý H và các thửa 79, 38 tờ bản đồ địa chính số 81 xã Quý H; rút yêu cầu anh Lâm Văn L phải thanh toán giá trị toàn bộ số cây gồm keo, quế, hồi, chuối, các loại cây ăn quả, nhà tôn, chuồng lợn, bể nước, téc nước trên các thửa 315, 311, 326, 332 theo giá trị mà chị Bế Thị B đã kê khai trong đơn yêu cầu chia tài sản chung ban đầu; không chấp nhận trả cho bà Hoàng Thị S số tiền 19.521.700 đồng, cần đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với những nội dung rút này.

[3] Xét thấy, việc thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Vì vậy, đề nghị sửa Bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự mà người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho đương sự và đại diện Viện Kiểm sát phát biểu tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên người kháng cáo phải chịu tiền án phí phúc thẩm. Tuy nhiên, chị Bế Thị B là người dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn và có đơn đề nghị miễn tiền án phí. Vì vậy, Hội đồng xét xử miễn toàn bộ tiền án phí dân sự phúc thẩm cho chị Bế Thị B theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 5, Điều 300, khoản 2 Điều 296, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Khoản 1, 2 Điều 26; khoản 3 Điều 27, khoản 6 Điều 29, điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, sửa Bản án số 13/2023/HNGĐ-ST ngày 12 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn, Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự chị Bế Thị B và anh Lâm Văn L, cụ thể:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với các yêu cầu kháng cáo của chị Bế Thị B đã rút bao gồm: Yêu cầu được chia các thửa đất ruộng gồm các thửa 66, 67, 68, 81, 82 tờ bản đồ địa chính số 66 xã Quý H và các thửa 79, 38 tờ bản đồ địa chính số 81 xã Quý H; rút yêu cầu anh Lâm Văn L phải thanh toán giá trị toàn bộ số cây gồm keo, quế, hồi, chuối, các loại cây ăn quả, nhà tôn, chuồng lợn, bể nước, téc nước trên các thửa 315, 311, 326, 332 theo giá trị mà chị Bế Thị B đã kê khai trong đơn yêu cầu chia tài sản chung ban đầu; không chấp nhận trả cho bà Hoàng Thị S số tiền 19.521.700 đồng.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự chị Bế Thị B và anh Lâm Văn L:

2.1. Bị đơn chị Bế Thị B được quyền khai thác toàn bộ số cây Keo tại các thửa đất số 315, 311, 326, 332 theo biên bản xem xét thẩm định của TAND huyện

Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn ngày 24/02/2023 và ngày 07/6/2023 *(Kèm theo biên bản xem xét thẩm định ngày 24/02/2023 và ngày 07/6/2023)*

2.2. Anh Lâm Văn L được quản lý sử dụng chiếc máy Phay và có trách nhiệm trả 4.000.000đ cho chị Bế Thị B;

2.3. Về chi phí tố tụng chị Bế Thị B chịu 38.434.000đ và anh Lâm Văn L chịu 33.000.000đ. Xác nhận chị Bế Thị B đã nộp đủ số tiền tạm ứng chi phí tố tụng 71.434.000 đồng đã chi, anh Lâm Văn L phải tra 33.000.000đ cho chị Bế Thị B.

Kể từ ngày người yêu cầu có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chưa trả được thì còn phải trả lãi chậm trả ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo quy định tại các khoản 1 và 2 Điều 357; Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Chị Bế Thị B được miễn tiền án phí phúc thẩm và xác nhận chị B đã được miễn tiền tạm ứng án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Tổ HCTP; Phòng KTNV&THA;
- TAND huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn;
- CC THADS h. Bình G, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Người BVQVLIHP của đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Tòa Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Lộc Sơn Thái